

Số: 105/YC-TTYT

Sông Cầu, ngày 03 tháng 10 năm 2023

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung ứng vật tư y tế tháng 09 (lần 2) năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu.
  - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Hoài Liên, Phụ trách Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế, điện thoại 0982007014, email [khoaduocbvsc@gmail.com](mailto:khoaduocbvsc@gmail.com).
  - Cách thức tiếp nhận báo giá:  
Cách tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
    - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 02 Phạm Văn Đồng, khu phố Long Hải Bắc, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
    - Nhận qua email: [khoaduocbvsc@gmail.com](mailto:khoaduocbvsc@gmail.com).
    - Nhận qua Fax: không.
  - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 03 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 12 tháng 10 năm 2023 (*Thời gian tiếp nhận báo giá tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải*).
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2023.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

| STT | Mã đầu<br>thầu | Tên hàng hóa                                                            | Mô tả yêu cầu về tính năng,<br>thông số kỹ thuật và các<br>thông tin liên quan về kỹ<br>thuật               | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 1   | VT002          | Film khô 20cm x 25cm<br>(8x10 in) dùng cho máy<br>in kỹ thuật số Konica | Dùng cho máy in kỹ thuật số<br>Konica. Hộp 125 tấm                                                          | Tấm            | 1        |
| 2   | VT005          | Giấy in nhiệt (dùng cho<br>máy nước tiểu)                               | Kích thước<br>50mm x 30mm x 12mm                                                                            | Cuộn           | 1        |
| 3   | VT009          | Bơm tiêm 1cc                                                            | Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml,<br>cỡ kim 25G, 26G.                                                             | Cái            | 1        |
| 4   | VT012          | Bơm tiêm 5cc                                                            | Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml,<br>cỡ kim 23G, 25G.                                                             | Cái            | 1        |
| 5   | VT018          | Kim chích máu                                                           | Kim chích máu đầu ngón tay<br>cao cấp                                                                       | Cây            | 1        |
| 6   | VT022          | Kim châm cứu số 3                                                       | Đường kính từ 0.25mm đến<br>0.30mm x 25mm đến 30mm.                                                         | Cây            | 1        |
| 7   | VT023          | Kim châm cứu số 6                                                       | Tiêu chuẩn EN, ISO, CE.<br>Đường kính 0.30x75mm.                                                            | Cây            | 1        |
| 8   | VT041          | Đầu cole vàng                                                           | Thể tích 200 $\mu$ l                                                                                        | Cái            | 1        |
| 9   | VT042          | Đầu cole xanh                                                           | Thể tích 1000 $\mu$ l                                                                                       | Cái            | 1        |
| 10  | VT043          | Lọ đựng nước tiểu                                                       | Lọ nhựa $\geq$ 50ml, có nhãn                                                                                | Lọ             | 1        |
| 11  | VT044          | Lọ lấy đàm                                                              | Lọ nhựa $\geq$ 50ml, có nắp vô trùng                                                                        | Lọ             | 1        |
| 12  | VT046          | Ống mao dẫn<br>Haematokrit                                              | 75mm/75 $\mu$ l. Lọ 100 ống                                                                                 | Lọ             | 1        |
| 13  | VT048          | Ống nghiệm heparin                                                      | Đường kính 12-13 mm x 7.5 -<br>8cm                                                                          | Ống            | 1        |
| 14  | VT049          | Ống nghiệm Serum                                                        | có chứa hạt nhựa Polystyrene                                                                                | Ống            | 1        |
| 15  | VT061          | Bông thấm nước                                                          | Bông thấm nước dùng trong y<br>tế. Kích thước (rộng x cao x độ<br>dày): 12mm x 75mm x 1mm (thể<br>tích 5ml) | Kg             | 1        |
| 16  | VT063          | Gạc đại phẫu                                                            | Có miếng cân quang và có dây<br>(khô 30cm x 40cm x 8 lớp, vô<br>trùng)                                      | Cái            | 1        |
| 17  | VT064          | Gạc phẫu thuật                                                          | 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng                                                                                | Cái            | 1        |
| 18  | VT065          | Gạc y tế vô trùng                                                       | Gạc y tế vô trùng 5cm x 6,5cm<br>x 12 lớp                                                                   | Cái            | 1        |
| 19  | VT066          | Băng bột bó 10cm x<br>270cm                                             | Bột bó liền gạc, lõi nhựa. Kích<br>thước 10cm x 270cm                                                       | Cuộn           | 1        |

|    |       |                                         |                                                                                                                                                                   |      |   |
|----|-------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---|
| 20 | VT073 | Băng thun có keo 10cm x 4,5m            | Băng thun có keo kích thước 10cm x 4,5m                                                                                                                           | Cuộn | 1 |
| 21 | VT076 | Gạc hút y tế                            | khô 0,8m-1m                                                                                                                                                       | Mét  | 1 |
| 22 | VT078 | Dây truyền dịch kim thường              | Dây truyền dịch kim thường. Đạt tiêu chuẩn ISO                                                                                                                    | Sợi  | 1 |
| 23 | VT079 | Dây truyền máu                          | Dây truyền máu có khoang nhỏ giọt được trang bị lớp màng lọc tiểu phân chuyên dụng để lọc các cục máu đông và mảnh vỡ tế bào trong các thành phần máu được truyền | Sợi  | 1 |
| 24 | VT080 | Dây nối bơm tiêm điện                   | Dùng trong truyền dịch bằng máy bơm tiêm điện tự động, kích thước 140cm x0,9ml                                                                                    | Sợi  | 1 |
| 25 | VT091 | Mask Oxy trẻ em +dây                    | Bộ mask gồm:<br>1 Dây dẫn khí<br>1 Mask oxy PVC mềm,<br>Co nối chữ V trên mask xoay được. Túi dự trữ oxy thể tích 1L. Sản phẩm tiệt trùng EO<br>Hộp 1 bộ          | Bộ   | 1 |
| 26 | VT097 | Ống súc rửa dạ dày                      | Ống súc rửa dạ dày cho máy rửa dạ dày, model: SC-IA TONGYE-TQ                                                                                                     | Sợi  | 1 |
| 27 | VT102 | Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 7-7,5 | Làm từ latex cao su thiên nhiên có phủ bột, tiệt khuẩn bằng khí EO                                                                                                | Đôi  | 1 |
| 28 | VT103 | Găng tay rời Size S,M                   | Làm từ latex cao su thiên nhiên có phủ bột                                                                                                                        | Đôi  | 1 |
| 29 | VT105 | Túi lấy máu (túi đơn) 250ml             | Túi đơn 250ml                                                                                                                                                     | Túi  | 1 |
| 30 | VT110 | Bóng đèn hồng ngoại                     | 220V-250W                                                                                                                                                         | Cái  | 1 |
| 31 | VT114 | Đèn lưới gỗ                             | Hộp 100 cái                                                                                                                                                       | Hộp  | 1 |
| 32 | VT134 | Bóng đèn máy bán tự động                | Bóng đèn máy bán tự động sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Labomed, Inc. Model BAS-100TS.Mỹ                                                                    | Cái  | 1 |

|    |       |                                                 |                                                   |      |   |
|----|-------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------|---|
| 33 | HC035 | Test nhanh chẩn đoán viêm gan B (máu toàn phần) | Độ nhạy: $\geq 99\%$ . Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ . | Test | 1 |
|----|-------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------|---|

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Địa điểm cung cấp, lắp đặt: 02 Phạm Văn Đồng, khu phố Long Hải Bắc, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Yêu cầu về vận chuyển: Chi phí vận chuyển nhà thầu chịu trách nhiệm.

Bảo quản thiết bị y tế: theo đúng yêu cầu nhà sản xuất/ chủ sở hữu cho từng thiết bị.

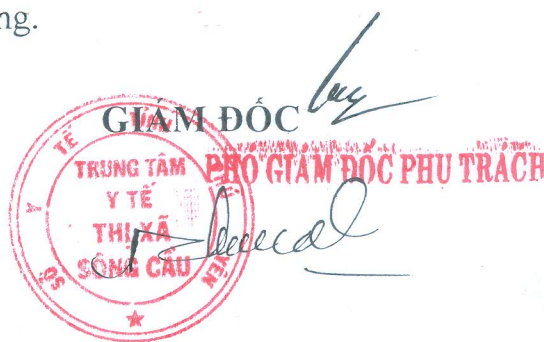
3. Thời gian giao hàng dự kiến: 45 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



*BSCKI. Nguyễn Chí Cường*

**Mẫu báo giá**  
**Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm**  
**linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế**  
**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan**

| STT | Danh mục thiết bị y tế | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất | Mã HS | Năm sản xuất | Xuất xứ | Số lượng | Đơn giá (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|------------------------|-----------------------------------------|-------|--------------|---------|----------|---------------|-----------------------------------------|----------------------------------|------------------|
| 1   | Thiết bị A             |                                         |       |              |         |          |               |                                         |                                  |                  |
| 2   | Thiết bị B             |                                         |       |              |         |          |               |                                         |                                  |                  |
| n   | ...                    |                                         |       |              |         |          |               |                                         |                                  |                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản  
xuất, nhà cung cấp**

*(Ký tên, đóng dấu)*